

Số: 2261/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 240/TTr-SVHTTDL ngày 04 tháng 10 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **02 (Hai)** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2023 (chi tiết Phụ lục I kèm theo).

**Điều 2.** Phê duyệt sửa đổi **02 (Hai)** quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 (chi tiết Phụ lục II kèm theo).

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Công khai đầy đủ danh mục, nội dung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Vĩnh Long; Niêm yết, công khai đầy đủ danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.

- Căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện Bộ phận Một cửa cấp huyện; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

2. Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh sách đăng ký tài khoản của công chức, viên chức được phân công thực hiện các bước xử lý công việc quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này, trong thời hạn **05 ngày làm việc** kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để thiết lập cấu hình điện tử.

3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện cập nhật quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh trong thời hạn chậm nhất là **05 ngày làm việc**, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC, P. VH-XH;
- Lưu: VT, 1.12.31.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Quyên Thanh**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH VINH LONG**

(Kèm theo Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

**PHẦN I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH<sup>1</sup>**

**- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>							
1	1.000903.000 .00.00.H61	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến <i>Bộ phận Một cửa cấp huyện</i> hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại <i>Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Vĩnh Long</i> (địa chỉ: <a href="https://dichvucong.vinhlong.gov.vn">https://dichvucong.vinhlong.gov.vn</a> ). - Cơ quan có thẩm	Phí thẩm định: - Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp,	Chi tiết tại Phụ lục II

<sup>1</sup> Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

				quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện.	- Tại khu vực khác: + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.	quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. - Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.	
2	1.000831.000 .00.00.H61	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Vĩnh Long (địa chỉ: <a href="https://dichvucong.vinhlong.gov.vn">https://dichvucong.vinhlong.gov.vn</a> ). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp	Phí thẩm định: - Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. - Tại khu vực khác:	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021	Chi tiết tại Phụ lục II

			<p><i>huyện.</i></p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: <i>Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện.</i></p>	<p>Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng /giấy phép/lần thẩm định.</p> <p>- Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.</p>	<p>của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường;</p> <p>- <i>Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i></p>	
--	--	--	---	---	---	--

**Phần II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

**\* LĨNH VỰC VĂN HÓA**

**1. Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mã TTHC: 1.000903.000.00.00.H61).**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan có thẩm quyền quyết định được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp) thông qua Bộ phận Một cửa cấp huyện.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa cấp huyện lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế các điều kiện theo quy định và cấp Giấy phép (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). Trường hợp không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.

**b) Cách thức thực hiện:** trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Vĩnh Long (địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.**h) Phí:** Phí thẩm định:

- Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:
  - + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy.
  - + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy.
  - + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.
- Tại khu vực khác:
  - + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy.
  - + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy.
  - + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

- Phòng hát phải có diện tích sử dụng từ 20m<sup>2</sup> trở lên, không kể công trình phụ;

- Không được đặt chốt cửa bên trong phòng hát hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ).

\* Trách nhiệm chung của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke phải tuân theo các quy định sau đây:

(1) Chấp hành pháp luật lao động với người lao động theo quy định của pháp luật. Cung cấp trang phục, biển tên cho người lao động.

(2) Bảo đảm đủ điều kiện cách âm và âm thanh thoát ra ngoài phòng hát phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

(3) Tuân thủ quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

(4) Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

(5) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; bản quyền tác giả; hợp đồng lao động; an toàn lao động; bảo hiểm; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

\* Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke phải tuân theo các quy định sau đây:

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 6 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019, doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke có trách nhiệm:

(1) Bảo đảm hình ảnh phù hợp lời bài hát thể hiện trên màn hình (hoặc hình thức tương tự) và văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

(2) Không được hoạt động từ 0 giờ sáng đến 08 giờ sáng.

#### **1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường;

- *Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*



... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

số: ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE**

Kính gửi: ..... (2) .....

Tên Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh:.....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ  
kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ..... tháng .... năm .....

Mã số: .....

Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ  
karaoke, cụ thể là:

Kinh doanh dịch vụ karaoke tại địa chỉ: .....

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có): .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

STT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m <sup>2</sup> )

Tài liệu kèm theo: .....

..... (3) .....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh dịch vụ karaoke.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

(3) Nêu rõ các tài liệu kèm theo.

## **2. Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mã TTHC: 1.000831.000.00.00.H61).**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp thay đổi về địa điểm kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định.

- Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trong các trường hợp dưới đây gửi 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan có thẩm quyền quyết định được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp) thông qua Bộ phận Một cửa cấp huyện:

+ Thay đổi về số lượng phòng;

+ Thay đổi về chủ sở hữu.

- Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa cấp huyện lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế các nội dung thay đổi và cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh karaoke đã được điều chỉnh (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). Trường hợp không cấp Giấy phép điều chỉnh phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.

**b) Cách thức thực hiện:** trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Vĩnh Long (địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn>).

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019);

+ Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép điều chỉnh.**h) Phí:** Phí thẩm định:

- Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.

- Tại khu vực khác: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.

- Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:**

Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường;

- Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

số: ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH**  
**GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE**

Kính gửi: ..... (2)

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký  
hộ kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày .... tháng .... năm .....

Mã số: .....

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke số .....  
do ..... cấp ngày ... tháng ... năm .....Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke  
(điều chỉnh lần thứ .....) số do ..... cấp ngày ... tháng ... năm.... (nếu có);... (1) ... đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ  
điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, cụ thể như sau:

Thông tin cũ (nếu có) .....

Thông tin điều chỉnh .....

..... (3) .....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**Chú thích:**

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

(3) Ghi rõ nội dung điều chỉnh.

**Phụ lục II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

**- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**  
**\* LĨNH VỰC VĂN HÓA**

**1. Tên TTHC: Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mã TTHC: 1.000903.000.00.00.H61).**

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian (ngày làm việc)</b>
Bước 1	Công chức hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), thu phí, chuyển hồ sơ đến Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện để xử lý.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	0,25 ngày
Bước 2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định thực tế và trình lãnh đạo Phòng xem xét.	Phòng Văn hóa và thông tin cấp huyện	2,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả xử lý.		01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký duyệt, lưu trữ hồ sơ điện tử và chuyển kết quả đến Bộ phận Một cửa cấp huyện.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	01 ngày
Bước 5	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	0,25 ngày
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>05 ngày</b>

**2. Tên TTHC: Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mã TTHC: 1.000831.000.00.00.H61).**

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian (ngày làm việc)</b>
Bước 1	Công chức hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), thu phí, chuyển hồ sơ đến Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện để xử lý.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	0,25 ngày
Bước 2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định thực tế và trình lãnh đạo Phòng xem xét.	Phòng Văn hóa và thông tin cấp huyện	02 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng xem xét, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả xử lý.		0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký duyệt, lưu trữ hồ sơ điện tử và chuyển kết quả đến Bộ phận Một cửa cấp huyện.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	01 ngày
Bước 5	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	0,25 ngày
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>04 ngày</b>